TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

BẢNG DANH SÁCH PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH KHỐI 11

KIỂM TRA HKI NĂM HỌC 2019 - 2020

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
1	110007	Nguyễn Hoàng An	11 A	Nam	18/07/2003	1	1	1	1		
2	110015	Dương Lưu Nam Anh	11 A	Nam	25/11/2003	1	1	1	1		
3	110022	Đoàn Ngọc Anh	11 A	Nữ	15/12/2003	1	1	1	1		
4	110023	Đỗ Duy Anh	11 A	Nam	19/01/2003	1	1	1	1		
5	110035	Lê Mỹ Vân Anh	11 A	Nữ	27/05/2003	2	2	2	1		
6	110037	Lê Thục Anh	11 A	Nữ	12/08/2003	2	2	2	1		
7	110038	Mai Tiến Anh	11 A	Nam	17/02/2003	2	2	2	1		
8	110051	Nguyễn Lan Anh	11 A	Nữ	29/12/2003	3	3	2	1		
9	110060	Nguyễn Thị Kim Anh	11 A	Nữ	08/09/2003	3	3	2	1		
10	110061	Nguyễn Thị Lan Anh	11 A	Nữ	15/09/2003	3	3	2	1		
11	110067	Phí Minh Anh	11 A	Nữ	25/10/2003	3	3	3	1		
12	110073	Tạ Huyền Anh	11 A	Nữ	18/11/2003	3	3	3	1		
13	110087	Trần Phương Anh	11 A	Nữ	16/12/2003	4	4	3	1		
14	110093	Trương Nguyễn Hiệp Anh	11 A	Nam	21/05/2003	4	4	3	1		
15	110105	Đào Gia Bách	11 A	Nam	14/02/2003	5	5	4	1		
16	110109	Nguyễn Đức Bình	11 A	Nam	10/09/2003	5	5	4	1		
17	110112	Nguyễn Thị Minh Cầm	11 A	Nữ	27/11/2002	5	5	4	1		
18	110121	Đặng Thị Linh Chi	11 A	Nữ	27/12/2003	5	5	4	2		
19	110137	Lê Quang Dũng	11 A	Nam	29/09/2003	6	6	5	2		
20	110153	Vũ Hữu Đạt	11 A	Nam	07/09/2003	7	7	5	2		
21	110161	Nguyễn Trọng Đức	11 A	Nam	03/03/2003	7	7	5	2		
22	110167	Lại Lương Hiền Giang	11 A	Nữ	19/06/2003	7	7	6	2		
23	110181	Nguyễn Đình Đắc Hà	11 A	Nam	27/03/2003	8	8	6	2		
24	110182	Nguyễn Hồng Hà	11 A	Nữ	11/12/2003	8	8	6	2		
25	110208	Bùi Nguyễn Gia Hiển	11 A	Nam	13/11/2003	9	9	7	2		
26	110213	Nguyễn Tài Trung Hiếu	11 A	Nam	09/05/2003	9	9	7	2		
27	110233	Nguyễn Ngọc Huy	11 A	Nam	05/02/2003	10	10	8	2		
28	110243	Phạm Ngọc Huyền	11 A	Nữ	02/10/2003	10	10	8	3		
29	110249	Phùng Nguyễn Gia Hưng	11 A	Nam	30/10/2003	10	11	8	3		
30	110252	Phạm Quỳnh Hương	11 A	Nữ	10/01/2003	10	11	9	3		
31	110291	Đỗ Nhật Linh	11 A	Nữ	08/11/2003	12	12	10	3		
32	110358	Nguyễn Hà Bình Minh	11 A	Nam	30/08/2003	14	15	12	3		
33	110375	Trần Đức Minh	11 A	Nam	26/05/2003	15	15	13	4		
34	110393	Nguyễn Phương Nga	11 A	Nữ	07/01/2003	16	16	13	4		
35	110403	Trần Thị Kim Ngân	11 A	Nữ	20/07/2003	16	16	14	4		
36	110409	Phạm Đức Nghĩa	11 A	Nam	17/01/2003	17	17	14	4		
37	110416	Nguyễn Thị Minh Ngọc	11 A	Nữ	07/05/2003	17	17	14	4		
38	110427	Nguyễn Hạnh Nguyên	11 A	Nữ	17/02/2003	17	17	14	4		
39	110428	Nguyễn Phú Gia Nguyên	11 A	Nam	20/11/2003	17	17	14	4		
40	110458	Nguyễn Hoàng Phúc	11 A	Nam	20/08/2003	18	18	15	4		
41	110464	Lê Minh Phương	11 A	Nữ	29/03/2003	19	19	15	4		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
42	110475	Trần Thu Phương	11 A	Nữ	29/05/2003	19	19	16	4		
43	110496	Nguyễn Anh Sơn	11 A	Nam	18/07/2003	20	20	16	4		
44	110508	Nguyễn Thị Mỹ Thành	11 A	Nữ	24/05/2003	20	20	17	5		
45	110512	Trần Tiến Thành	11 A	Nam	22/02/2003	21	21	17	5		
46	110513	Hoàng Phương Thảo	11 A	Nữ	01/09/2003	21	21	17	5		
47	110529	Vũ Thị Thơ	11 A	Nữ	28/03/2003	21	21	18	5		
48	110557	Nguyễn Phương Thảo Trang	11 A	Nữ	09/06/2003	22	22	18	5		
49	110564	Nguyễn Thanh Trúc	11 A	Nữ	23/08/2003	23	23	19	5		
50	110572	Trần Đăng Tuấn	11 A	Nam	12/05/2003	23	23	19	5		
51	110595	Vũ Đức Việt	11 A	Nam	02/08/2003	24	24	20	5		
52	110596	Nguyễn Thành Vinh	11 A	Nam	21/07/2003	24	24	20	5		
53	110597	Trần Thị Hồng Vinh	11 A	Nữ	07/07/2003	24	24	20	5		
54	110601	Phạm Đoàn Thuận Vũ	11 A	Nam	14/04/2003	24	24	20	5		
55	110611	Nguyễn Ngọc Hải Yến	11 A	Nữ	11/04/2003	24	24	20	5		
1	110001	Bùi Thu An	11 ANH	Nữ	20/12/2003	1	1	21		1	
2	110004	Lê Hoàng Khánh An	11 ANH	Nữ	22/12/2003	1	1	21		1	
3	110009	Trần Hà An	11 ANH	Nữ	14/02/2003	1	1	21		1	
4	110104	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11 ANH	Nữ	23/02/2003	5	5	21		3	
5	110107	Nguyễn Quốc Bảo	11 ANH	Nam	04/05/2003	5	5	21		3	
6	110127	Trần Hà Chi	11 ANH	Nữ	26/02/2003	6	6	21		4	
7	110138	Nguyễn Anh Dũng	11 ANH	Nam	07/06/2003	6	6	21		4	
8	110147	Nguyễn Quý Dương	11 ANH	Nam	03/03/2003	6	6	21		4	
9	110217	Đinh Khánh Hòa	11 ANH	Nữ	02/02/2003	9	9	21		5	
10	110263	Phạm Đoàn Ngọc Khánh	11 ANH	Nữ	30/11/2003	11	11	21		6	
11	110276	Nguyễn Thảo My - Kristýna	11 ANH	Nữ	05/08/2003	11	12	21		6	
12	110294	Lê Đàm Nhị Linh	11 ANH	Nữ	16/11/2003	12	12	21		7	
13	110303	Nguyễn Hương Linh	11 ANH	Nữ	10/07/2003	13	13	21		7	
14	110382	Nguyễn Hà My	11 ANH	Nữ	21/01/2003	15	16	21		9	
15	110394	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	11 ANH	Nữ	09/08/2003	16	16	21		9	
16	110408	Nguyễn Trọng Nghĩa	11 ANH	Nam	04/10/2003	16	17	21		9	
17	110451	Nguyễn Viết Phong	11 ANH	Nam	27/08/2003	18	18	21		10	
18	110460	Đặng Hà Phương	11 ANH	Nữ	07/05/2003	19	19	21		10	
19	110466	Lưu Hà Phương	11 ANH	Nữ	18/11/2003	19	19	21		11	
20	110479	Lê Văn Minh Quang	11 ANH	Nam	28/01/2003	19	19	21		11	
21	110487	Đỗ Đỗ Quyên	11 ANH	Nữ	18/10/2003	20	20	21		11	
22	110511	Nguyễn Việt Thành	11 ANH	Nam	04/10/2003	21	21	21		12	
23	110516	Mai Đình Thảo	11 ANH	Nam	24/11/2003	21	21	21		12	
24	110533	Lê Hạnh Minh Thư	11 ANH	Nữ	09/10/2003	21	21	21		12	
25	110536	Nguyễn Thị Anh Thư	11 ANH	Nữ	05/12/2003	22	22	22		12	
26	110553	Nguyễn Kiều Trang	11 ANH	Nữ	22/03/2003	22	22	22		13	
27	110567	Trần Đức Trung	11 ANH	Nam	10/03/2003	23	23	22		13	
28	110587	Vũ Phương Uyên	11 ANH	Nữ	14/09/2003	24	24	22		13	
29	110610	Nguyễn Hải Yến	11 ANH	Nữ	21/10/2003	24	24	22		14	
1	110003	Hoàng Khoa An	11 D1	Nam	16/10/2003	1	1	1		1	
2	110017	Dương Phương Anh	11 D1	Nữ	27/04/2003	1	1	1		1	
3	110043	Nguyễn Đăng Ngọc Anh	11 D1	Nữ	26/06/2003	2	2	2		1	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
4	110062	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11 D1	Nữ	08/01/2003	3	3	2		2	
5	110075	Tạ Tú Anh	11 D1	Nữ	24/01/2003	4	4	3		2	
6	110090	Trịnh Ngọc Anh	11 D1	Nữ	09/07/2003	4	4	3		3	
7	110091	Trương Lâm Anh	11 D1	Nam	25/07/2003	4	4	3		3	
8	110100	Vũ Ngọc Trâm Anh	11 D1	Nữ	24/03/2003	5	4	4		3	
9	110108	Nguyễn Đức Bình	11 D1	Nam	03/09/2003	5	5	4		3	
10	110111	Nguyễn Trọng Gia Bình	11 D1	Nam	24/12/2003	5	5	4		3	
11	110118	Nguyễn Minh Châu	11 D1	Nữ	30/05/2003	5	5	4		3	
12	110122	Lê Nguyên Chi	11 D1	Nữ	28/09/2003	5	5	4		3	
13	110148	Nguyễn Thùy Dương	11 D1	Nữ	23/12/2003	6	6	5		4	
14	110165	Phạm Kim Đường	11 D1	Nam	27/12/2003	7	7	6		4	
15	110180	Đoàn Thanh Hà	11 D1	Nữ	15/10/2003	8	8	6		5	
16	110192	Lục Minh Hạnh	11 D1	Nữ	31/08/2003	8	8	6		5	
17	110200	Nguyễn Gia Hân	11 D1	Nữ	19/06/2003	8	9	7		5	
18	110206	Nguyễn Thục Hiền	11 D1	Nữ	02/05/2003	9	9	7		5	
19	110209	Nguyễn Minh Hiệp	11 D1	Nữ	15/08/2003	9	9	7		5	
20	110219	Khổng Đức Hoàng	11 D1	Nam	20/09/2003	9	9	7		5	
21	110221	Nguyễn Đức Minh Hoàng	11 D1	Nam	28/06/2003	9	9	7		5	
22	110240	Nguyễn Ngọc Huyền	11 D1	Nữ	06/12/2003	10	10	8		6	
23	110246	Hà Hoàng Hưng	11 D1	Nam	05/12/2003	10	10	8		6	
24	110258	Nguyễn Thị Vân Khanh	11 D1	Nữ	07/10/2003	11	11	9		6	
25	110268	Nguyễn Duy Khôi	11 D1	Nam	10/12/2003	11	11	9		6	
26	110272	Nghiêm An Khuê	11 D1	Nữ	05/11/2003	11	12	9		6	
27	110278	Vũ Thu Lan	11 D1	Nữ	27/07/2003	12	12	9		7	
28	110293	Hoàng Khánh Linh	11 D1	Nữ	23/03/2003	12	12	10		7	
29	110312	Nguyễn Thị Thùy Linh	11 D1	Nữ	04/12/2003	13	13	10		8	
30	110331	Hoàng Thị Phương Mai	11 D1	Nữ	16/06/2003	14	14	11		8	
31	110334	Nguyễn Tùng Mai	11 D1	Nữ	03/07/2003	14	14	11		8	
32	110381	Lương Thanh Hiền My	11 D1	Nữ	22/07/2003	15	16	13		9	
33	110386	Nguyễn Thu My	11 D1	Nữ	22/04/2003	16	16	13		9	
34	110395	Nhữ Thị Thanh Nga	11 D1	Nữ	11/07/2003	16	16	13		9	
35	110423	Đặng Khôi Nguyên	11 D1	Nam	01/05/2003	17	17	14		10	
36	110433	Nguyễn Hải Nhi	11 D1	Nữ	11/10/2003	17	18	14		10	
37	110462	Hoàng Nam Phương	11 D1	Nữ	08/11/2003	19	19	15		11	
38	110470	Phạm Mai Phương	11 D1	Nữ	12/10/2003	19	19	16		11	
39	110472	Trần Hà Phương	11 D1	Nữ	06/01/2003	19	19	16		11	
40	110482	Trần Minh Quang	11 D1	Nam	17/02/2003	19	19	16		11	
41	110493	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11 D1	Nữ	12/04/2003	20	20	16		11	
42	110503	Nguyễn Nhật Thanh	11 D1	Nữ	25/05/2003	20	20	17		12	
43	110524	Vương Thu Thảo	11 D1	Nữ	29/11/2003	21	21	17		12	
44	110542	Đỗ Nam Trà	11 D1	Nữ	27/06/2003	22	22	18		12	
45	110561	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	11 D1	Nữ	20/08/2003	23	23	18		13	
46	110562	Dương Minh Trí	11 D1	Nam	25/10/2003	23	23	18		13	
47	110568	Cao Cẩm Tú	11 D1	Nam	12/05/2003	23	23	19		13	
48	110584	Phạm Tố Uyên	11 D1	Nữ	28/05/2003	24	23	19		13	
49	110588	Nguyễn Võ Hoài Văn	11 D1	Nam	07/05/2003	24	24	19		13	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
50	110599	Nguyễn Anh Vũ	11 D1	Nam	13/03/2003	24	24	20		14	
1	110002	Đậu Khánh An	11 D2	Nữ	12/01/2003	1	1	1		1	
2	110006	Lương Sĩ An	11 D2	Nam	22/04/2003	1	1	1		1	
3	110011	Trịnh Thảo An	11 D2	Nữ	22/07/2003	1	1	1		1	
4	110013	Chu Minh Anh	11 D2	Nữ	31/01/2003	1	1	1		1	
5	110019	Đào Việt Anh	11 D2	Nam	20/07/2003	1	1	1		1	
6	110024	Đỗ Dương Minh Anh	11 D2	Nữ	19/02/2003	1	1	1		1	
7	110033	Lê Duy Anh	11 D2	Nam	08/06/2003	2	2	1		1	
8	110053	Nguyễn Minh Anh	11 D2	Nữ	07/12/2003	3	3	2		2	
9	110071	Tạ Hồ Phương Anh	11 D2	Nữ	11/04/2003	3	3	3		2	
10	110076	Thái Ngọc Quỳnh Anh	11 D2	Nữ	03/09/2003	4	4	3		2	
11	110077	Thái Ngọc Trâm Anh	11 D2	Nữ	03/09/2003	4	4	3		2	
12	110088	Trần Tuấn Anh	11 D2	Nam	02/10/2003	4	4	3		2	
13	110096	Vũ Đức Anh	11 D2	Nam	19/06/2003	4	4	3		3	
14	110125	Nguyễn Thái Hà Chi	11 D2	Nữ	05/08/2003	6	6	4		3	
15	110126	Phạm Linh Chi	11 D2	Nữ	28/10/2003	6	6	4		3	
16	110128	Trần Mai Chi	11 D2	Nữ	02/10/2003	6	6	4		4	
17	110134	Phạm Phú Cường	11 D2	Nam	08/09/2003	6	6	5		4	
18	110172	Nguyễn Ngân Giang	11 D2	Nữ	21/05/2003	7	7	6		4	
19	110175	Phùng Thị Thu Giang	11 D2	Nữ	02/10/2003	7	8	6		4	
20	110196	Đào Minh Hằng	11 D2	Nữ	05/03/2003	8	8	7		5	
21	110205	Nguyễn Thu Hiền	11 D2	Nữ	28/01/2003	9	9	7		5	
22	110215	Cao Linh Hoa	11 D2	Nữ	20/12/2003	9	9	7		5	
23	110228	Lê Ngọc Hùng	11 D2	Nam	12/06/2003	10	10	8		6	
24	110232	Nguyễn Đức Huy	11 D2	Nam	09/05/2003	10	10	8		6	
25	110254	Cao Mai Khanh	11 D2	Nữ	27/07/2003	11	11	9		6	
26	110255	Lương Diệp Bảo Khanh	11 D2	Nữ	05/10/2003	11	11	9		6	
27	110269	Nguyễn Minh Khôi	11 D2	Nam	30/04/2003	11	11	9		6	
28	110285	Bùi Lê Diệu Linh	11 D2	Nữ	19/05/2003	12	12	10		7	
29	110300	Ngô Phương Linh	11 D2	Nữ	11/04/2003	12	13	10		7	
30	110301	Nguyễn Đoàn Khánh Linh	11 D2	Nữ	15/11/2003	12	13	10		7	
31	110306	Nguyễn Khánh Linh	11 D2	Nữ	28/11/2003	13	13	10		7	
32	110316	Phạm Phương Linh	11 D2	Nữ	17/09/2003	13	13	11		8	
33	110320	Vũ Hải Linh	11 D2	Nữ	06/08/2003	13	13	11		8	
34	110362	Nguyễn Ngọc Quang Minh	11 D2	Nam	23/11/2003	15	15	12		9	
35	110388	Trần Ngọc Hà My	11 D2	Nữ	10/09/2003	16	16	13		9	
36	110397	Vũ Thu Nga	11 D2	Nữ	03/06/2003	16	16	13		9	
37	110400	Nguyễn Ngọc Phương Ngân	11 D2	Nữ	20/10/2003	16	16	13		9	
38	110401	Nguyễn Thảo Ngân	11 D2	Nữ	06/11/2003	16	16	13		9	
39	110425	Ngô Minh Nguyên	11 D2	Nam	09/10/2003	17	17	14		10	
40	110444	Chử Hồng Nhung	11 D2	Nữ	04/03/2003	18	18	15		10	
41	110488	Ngô Ánh Quyên	11 D2	Nữ	14/11/2003	20	20	16		11	
42	110489	Nguyễn Trần Đỗ Quyên	11 D2	Nữ	21/08/2003	20	20	16		11	
43	110497	Nguyễn Hữu Thái Sơn	11 D2	Nam	12/10/2003	20	20	16		11	
44	110499	Lưu Thị Thanh Tâm	11 D2	Nữ	18/07/2003	20	20	17		11	
45	110523	Vũ Phương Thảo	11 D2	Nữ	25/08/2003	21	21	17		12	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
46	110525	Hoàng Minh Thắng	11 D2	Nam	26/12/2003	21	21	17		12	
47	110526	Nguyễn Hữu Thắng	11 D2	Nam	05/12/2003	21	21	18		12	
48	110527	Nguyễn Quang Thắng	11 D2	Nam	08/07/2003	21	21	18		12	
49	110537	Vương Anh Thư	11 D2	Nữ	29/05/2003	22	22	18		12	
50	110559	Trần Lương Hải Trang	11 D2	Nữ	30/12/2003	23	22	18		13	
51	110575	Ngô Việt Tùng	11 D2	Nam	29/11/2003	23	23	19		13	
1	110026	Đỗ Kiều Anh	11 D3	Nữ	03/10/2003	2	2	1		1	
2	110045	Nguyễn Hà Quế Anh	11 D3	Nữ	15/10/2003	2	2	2		2	
3	110056	Nguyễn Phương Anh	11 D3	Nữ	22/10/2003	3	3	2		2	
4	110058	Nguyễn Phương Anh	11 D3	Nữ	30/12/2003	3	3	2		2	
5	110064	Phạm Minh Anh	11 D3	Nữ	18/06/2003	3	3	2		2	
6	110065	Phạm Minh Anh	11 D3	Nữ	27/10/2003	3	3	2		2	
7	110066	Phạm Thị Thùy Anh	11 D3	Nữ	07/11/2003	3	3	2		2	
8	110085	Trần Minh Anh	11 D3	Nữ	30/04/2003	4	4	3		2	
9	110092	Trương Minh Tuyết Anh	11 D3	Nữ	04/10/2003	4	4	3		3	
10	110113	Chu Ngọc Minh Châu	11 D3	Nữ	30/04/2003	5	5	4		3	
11	110120	Đặng Quỳnh Chi	11 D3	Nữ	11/09/2003	5	5	4		3	
12	110130	Võ Quỳnh Chi	11 D3	Nữ	21/09/2003	6	6	5		4	
13	110164	Vũ Hoa Đức	11 D3	Nam	24/12/2003	7	7	6		4	
14	110177	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao	11 D3	Nữ	15/06/2003	8	8	6		4	
15	110179	Doãn Thu Hà	11 D3	Nữ	03/04/2003	8	8	6		5	
16	110190	Đỗ Hồng Hạnh	11 D3	Nữ	26/09/2003	8	8	6		5	
17	110193	Nguyễn Hồng Hạnh	11 D3	Nữ	16/03/2003	8	8	7		5	
18	110203	Nguyễn Thị Phương Hiền	11 D3	Nữ	17/09/2003	9	9	7		5	
19	110210	Đặng Minh Hiếu	11 D3	Nam	26/09/2002	9	9	7		5	
20	110224	Trần Minh Hoàng	11 D3	Nam	24/07/2003	9	10	8		6	
21	110241	Nguyễn Thanh Huyền	11 D3	Nữ	21/05/2003	10	10	8		6	
22	110256	Lương Nguyễn Mai Khanh	11 D3	Nữ	19/05/2003	11	11	9		6	
23	110266	Đỗ Gia Khiêm	11 D3	Nam	15/02/2003	11	11	9		6	
24	110283	Bùi Diệu Linh	11 D3	Nữ	26/10/2003	12	12	9		7	
25	110290	Đoàn Thị Ngọc Linh	11 D3	Nữ	22/07/2003	12	12	10		7	
26	110299	Ngô Hoàng Khánh Linh	11 D3	Nữ	28/09/2003	12	13	10		7	
27	110302	Nguyễn Hà Linh	11 D3	Nữ	19/01/2003	12	13	10		7	
28	110314	Nguyễn Yến Linh	11 D3	Nữ	12/06/2003	13	13	10		8	
29	110317	Phạm Tú Linh	11 D3	Nữ	02/08/2003	13	13	11		8	
30	110332	Nguyễn Quỳnh Mai	11 D3	Nữ	02/10/2003	14	14	11		8	
31	110338	Trương Đức Mạnh	11 D3	Nam	21/01/2003	14	14	11		8	
32	110361	Nguyễn Ngọc Minh	11 D3	Nữ	25/05/2003	15	15	12		8	
33	110392	Hà Việt Nga	11 D3	Nữ	09/10/2003	16	16	13		9	
34	110398	Hoàng Võ Khánh Ngà	11 D3	Nữ	10/04/2003	16	16	13		9	
35	110410	Hoàng Vân Ngọc	11 D3	Nữ	11/08/2003	17	17	14		9	
36	110429	Nguyễn Văn Nguyên	11 D3	Nam	07/08/2003	17	17	14		10	
37	110430	Trần Đình Nguyên	11 D3	Nam	12/09/2003	17	17	14		10	
38	110459	Nguyễn Ngọc Phúc	11 D3	Nam	25/06/2003	19	19	15		10	
39	110463	Hồ Thu Phương	11 D3	Nữ	17/09/2003	19	19	15		11	
40	110474	Trần Khánh Phương	11 D3	Nữ	06/02/2003	19	19	16		11	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
41	110481	Nguyễn Minh Quang	11 D3	Nam	13/04/2003	19	19	16		11	
42	110505	Thịnh Thanh Thanh	11 D3	Nữ	12/09/2003	20	20	17		12	
43	110518	Nguyễn Phương Thảo	11 D3	Nữ	14/04/2003	21	21	17		12	
44	110531	Bùi Anh Thư	11 D3	Nữ	21/08/2003	21	21	18		12	
45	110552	Nguyễn Hiền Trang	11 D3	Nữ	14/02/2003	22	22	18		13	
46	110554	Nguyễn Linh Trang	11 D3	Nữ	06/09/2003	22	22	18		13	
47	110566	Phạm Đức Trung	11 D3	Nam	25/01/2003	23	23	19		13	
48	110585	Trần Đinh Phương Uyên	11 D3	Nữ	22/10/2003	24	23	19		13	
49	110598	Hoàng Trung Vũ	11 D3	Nam	05/06/2003	24	24	20		14	
50	110605	Nguyễn Giang Phương Vy	11 D3	Nữ	10/09/2003	24	24	20		14	
1	110012	Vũ Thùy An	11 ĐỊA	Nữ	09/08/2003	1	1	1		17	
2	110025	Đỗ Dương Nhật Anh	11 ĐỊA	Nữ	12/02/2003	2	2	1		17	
3	110036	Lê Nguyễn Hiền Anh	11 ĐỊA	Nữ	26/06/2003	2	2	2		17	
4	110054	Nguyễn Phi Anh	11 ĐỊA	Nữ	26/10/2003	3	3	2		17	
5	110063	Nguyễn Trâm Anh	11 ĐỊA	Nữ	03/03/2003	3	3	2		17	
6	110068	Phùng Huệ Anh	11 ĐỊA	Nữ	14/10/2003	3	3	3		17	
7	110072	Tạ Hồng Anh	11 ĐỊA	Nữ	05/08/2003	3	3	3		17	
8	110103	Nguyễn Minh Ánh	11 ĐỊA	Nữ	09/09/2003	5	5	4		17	
9	110152	Nguyễn Trọng Đạt	11 ĐỊA	Nam	19/06/2003	7	7	5		17	
10	110169	Nguyễn Châu Giang	11 ĐỊA	Nữ	29/10/2003	7	7	6		17	
11	110198	Ngô Thị Minh Hằng	11 ĐỊA	Nữ	28/08/2003	8	8	7		17	
12	110204	Nguyễn Thị Thanh Hiền	11 ĐỊA	Nữ	03/03/2003	9	9	7		17	
13	110227	Hoàng Việt Hùng	11 ĐỊA	Nam	10/11/2003	9	10	8		17	
14	110260	Đặng Ngân Khánh	11 ĐỊA	Nữ	21/03/2003	11	11	9		17	
15	110287	Đào Khánh Linh	11 ĐỊA	Nữ	10/07/2003	12	12	10		17	
16	110337	Trần Ngọc Mai	11 ĐỊA	Nữ	05/03/2003	14	14	11		17	
17	110356	Nguyễn Anh Minh	11 ĐỊA	Nam	11/12/2003	14	15	12		17	
18	110359	Nguyễn Khuê Minh	11 ĐỊA	Nữ	03/09/2003	14	15	12		17	
19	110363	Nguyễn Phạm Vũ Minh	11 ĐỊA	Nam	10/10/2003	15	15	12		17	
20	110367	Nguyễn Thế Minh	11 ĐỊA	Nam	27/07/2003	15	15	12		17	
21	110390	Đào Hải Nam	11 ĐỊA	Nam	10/02/2003	16	16	13		17	
22	110411	Lã Minh Ngọc	11 ĐỊA	Nữ	05/07/2003	17	17	14		17	
23	110431	Vũ Khôi Nguyên	11 ĐỊA	Nam	03/11/2003	17	18	14		17	
24	110434	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	11 ĐỊA	Nữ	26/03/2003	17	18	15		17	
25	110439	Tạ Phương Nhi	11 ĐỊA	Nữ	06/03/2003	18	18	15		18	
26	110477	Vũ Lê Quỳnh Phương	11 ĐỊA	Nữ	28/01/2003	19	19	16		18	
27	110495	Lê Minh Sơn	11 ĐỊA	Nam	18/04/2003	20	20	16		18	
28	110521	Trần Hương Thảo	11 ĐỊA	Nữ	30/10/2003	21	21	17		18	
29	110522	Vũ Phương Thảo	11 ĐỊA	Nữ	24/01/2003	21	21	17		18	
30	110534	Ngô Vũ Anh Thư	11 ĐỊA	Nữ	20/09/2003	22	21	18		18	
31	110540	Nguyễn Cảnh Toàn	11 ĐỊA	Nam	17/09/2003	22	22	18		18	
32	110545	Đỗ Trần Thùy Trang	11 ĐỊA	Nữ	23/02/2003	22	22	18		18	
33	110547	Lê Hiền Trang	11 ĐỊA	Nữ	19/10/2003	22	22	18		18	
34	110555	Nguyễn Minh Trang	11 ĐỊA	Nữ	22/09/2003	22	22	18		18	
35	110574	Đỗ Xuân Tùng	11 ĐỊA	Nam	11/09/2003	23	23	19		18	
1	110059	Nguyễn Quang Anh	11 HÓA	Nam	11/09/2003	3	3	2	8		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
2	110082	Trần Hoàng Anh	11 HÓA	Nam	27/12/2003	4	4	3	8		
3	110132	Nguyễn Anh Chính	11 HÓA	Nam	19/11/2003	6	6	5	8		
4	110143	Phan Quang Duy	11 HÓA	Nam	16/12/2003	6	6	5	8		
5	110157	Huỳnh Quang Đức	11 HÓA	Nam	16/05/2003	7	7	5	8		
6	110160	Lê Minh Đức	11 HÓA	Nam	20/12/2003	7	7	5	8		
7	110187	Nguyễn Đức Hải	11 HÓA	Nam	30/06/2003	8	8	6	8		
8	110191	Lê Minh Hạnh	11 HÓA	Nữ	01/01/2003	8	8	6	8		
9	110222	Nguyễn Quốc Hoàng	11 HÓA	Nam	22/09/2003	9	9	7	8		
10	110230	Đặng Vũ Huy	11 HÓA	Nam	26/10/2003	10	10	8	8		
11	110231	Hoàng Gia Huy	11 HÓA	Nam	13/02/2003	10	10	8	8		
12	110234	Nguyễn Quang Huy	11 HÓA	Nam	28/02/2003	10	10	8	8		
13	110245	Đinh Khánh Hưng	11 HÓA	Nam	22/01/2003	10	10	8	8		
14	110248	Nguyễn Phú Hưng	11 HÓA	Nam	01/09/2003	10	11	8	8		
15	110262	Lê Nam Khánh	11 HÓA	Nam	19/10/2003	11	11	9	8		
16	110313	Nguyễn Tuấn Linh	11 HÓA	Nam	26/11/2003	13	13	10	8		
17	110328	Phó Đức Long	11 HÓA	Nam	11/10/2003	13	14	11	8		
18	110335	Phạm Chi Mai	11 HÓA	Nữ	30/11/2003	14	14	11	8		
19	110345	Hoàng Ngọc Minh	11 HÓA	Nam	19/08/2003	14	14	12	8		
20	110365	Nguyễn Quang Minh	11 HÓA	Nam	14/02/2003	15	15	12	8		
21	110373	Phạm Tiến Minh	11 HÓA	Nam	19/08/2003	15	15	13	8		
22	110412	Lê Minh Ngọc	11 HÓA	Nữ	01/06/2003	17	17	14	8		
23	110435	Nguyễn Phương Nhi	11 HÓA	Nữ	16/07/2003	18	18	15	8		
24	110453	Tạ Hải Phong	11 HÓA	Nam	26/09/2003	18	18	15	8		
25	110454	Thân Hải Phong	11 HÓA	Nam	30/08/2003	18	18	15	9		
26	110471	Phạm Trương Hà Phương	11 HÓA	Nữ	13/12/2003	19	19	16	9		
27	110494	Trần Đỗ Sinh	11 HÓA	Nam	22/11/2003	20	20	16	9		
28	110500	Đặng Trần Tân	11 HÓA	Nam	27/12/2003	20	20	17	9		
29	110541	Đinh Hương Trà	11 HÓA	Nữ	01/07/2003	22	22	18	9		
30	110579	Trần Lê Trường Tùng	11 HÓA	Nam	20/11/2003	23	23	19	9		
31	110590	Bùi Lê Khánh Vân	11 HÓA	Nữ	27/06/2003	24	24	19	9		
1	110016	Dương Phan Anh	11 LÝ	Nam	10/02/2003	1	1	1	6		
2	110034	Lê Hoàng Anh	11 LÝ	Nam	26/08/2003	2	2	1	6		
3	110055	Nguyễn Phương Anh	11 LÝ	Nữ	30/08/2003	3	3	2	6		
4	110102	Nguyễn Hồng Ánh	11 LÝ	Nữ	31/10/2003	5	5	4	6		
5	110156	Đỗ Nghiêm Đức	11 LÝ	Nam	10/12/2003	7	7	5	6		
6	110162	Nguyễn Văn Đức	11 LÝ	Nam	05/11/2003	7	7	5	6		
7	110163	Trịnh Minh Đức	11 LÝ	Nam	02/12/2003	7	7	6	6		
8	110186	Vũ Ngân Hà	11 LÝ	Nữ	07/09/2003	8	8	6	6		
9	110188	Nguyễn Long Hải	11 LÝ	Nam	23/03/2003	8	8	6	6		
10	110212	Nguyễn Đình Hiếu	11 LÝ	Nam	13/07/2003	9	9	7	6		
11	110216	Trần Phương Hoa	11 LÝ	Nữ	28/12/2003	9	9	7	6		
12	110226	Nguyễn Minh Hồng	11 LÝ	Nữ	13/01/2003	9	10	8	6		
13	110229	Vũ Phạm Đức Hùng	11 LÝ	Nam	16/01/2003	10	10	8	6		
14	110238	Trần Quang Huy	11 LÝ	Nam	03/01/2003	10	10	8	6		
15	110265	Trần Ngọc Khánh	11 LÝ	Nam	09/09/2003	11	11	9	6		
16	110267	Hoàng Phạm Việt Khôi	11 LÝ	Nam	04/08/2003	11	11	9	6		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
17	110274	Nguyễn Đức Kiên	11 LÝ	Nam	25/11/2003	11	12	9	6		
18	110286	Cao Khánh Linh	11 LÝ	Nữ	12/03/2003	12	12	10	6		
19	110323	Chu Đức Long	11 LÝ	Nam	31/07/2003	13	13	11	6		
20	110346	Hồ Đức Minh	11 LÝ	Nam	27/07/2003	14	14	12	6		
21	110366	Nguyễn Sỹ Minh	11 LÝ	Nam	21/12/2003	15	15	12	6		
22	110371	Phạm Quang Minh	11 LÝ	Nam	05/01/2003	15	15	12	6		
23	110377	Trương Minh	11 LÝ	Nam	20/07/2003	15	15	13	6		
24	110399	Bùi Thanh Ngân	11 LÝ	Nữ	15/06/2003	16	16	13	6		
25	110406	Lê Trọng Nghĩa	11 LÝ	Nam	09/05/2003	16	17	14	7		
26	110419	Trần Thị Xuân Ngọc	11 LÝ	Nữ	30/10/2003	17	17	14	7		
27	110445	Hoàng Thị Thùy Nhung	11 LÝ	Nữ	06/12/2003	18	18	15	7		
28	110473	Trần Hoàng Phương	11 LÝ	Nam	31/03/2003	19	19	16	7		
29	110483	Trần Minh Quang	11 LÝ	Nam	19/11/2003	20	19	16	7		
30	110498	Nguyễn Khánh Sơn	11 LÝ	Nam	18/03/2003	20	20	17	7		
31	110501	Phùng Quang Thái	11 LÝ	Nam	30/11/2003	20	20	17	7		
32	110510	Nguyễn Trường Thành	11 LÝ	Nam	18/04/2003	21	21	17	7		
33	110530	Nguyễn Hoàng Ninh Thuận	11 LÝ	Nam	20/04/2003	21	21	18	7		
34	110543	Nguyễn Thu Trà	11 LÝ	Nữ	15/02/2003	22	22	18	7		
35	110607	Trần Thanh Vy	11 LÝ	Nữ	09/01/2003	24	24	20	7		
1	110014	Dương Hải Anh	11 NHẬT	Nữ	18/11/2003	1	1	26		1	
2	110020	Đặng Phương Anh	11 NHẬT	Nữ	04/05/2003	1	1	26		1	
3	110044	Nguyễn Hà Anh	11 NHẬT	Nữ	21/06/2003	2	2	26		1	
4	110047	Nguyễn Hồng Anh	11 NHẬT	Nữ	07/03/2003	2	2	26		2	
5	110057	Nguyễn Phương Anh	11 NHẬT	Nữ	25/12/2003	3	3	26		2	
6	110074	Tạ Quỳnh Anh	11 NHẬT	Nữ	23/12/2003	3	4	26		2	
7	110080	Trần Doãn Đức Anh	11 NHẬT	Nam	21/10/2003	4	4	26		2	
8	110081	Trần Đặng Khuê Anh	11 NHẬT	Nữ	28/07/2003	4	4	26		2	
9	110094	Từ Vy Anh	11 NHẬT	Nữ	18/12/2003	4	4	26		3	
10	110116	Nguyễn Bảo Châu	11 NHẬT	Nữ	25/11/2003	5	5	26		3	
11	110123	Lưu Khánh Chi	11 NHẬT	Nữ	26/09/2003	5	5	26		3	
12	110131	Ngô Minh Chính	11 NHẬT	Nam	16/11/2003	6	6	26		4	
13	110150	Phạm Thùy Dương	11 NHẬT	Nữ	18/01/2003	6	7	26		4	
14	110166	Hồ Hương Giang	11 NHẬT	Nữ	28/01/2003	7	7	26		4	
15	110168	Ngô Ngân Giang	11 NHẬT	Nữ	13/01/2003	7	7	26		4	
16	110174	Phạm Thị Hà Giang	11 NHẬT	Nữ	05/01/2003	7	8	26		4	
17	110176	Trần Hương Giang	11 NHẬT	Nữ	04/04/2003	8	8	26		4	
18	110184	Nguyễn Thu Hà	11 NHẬT	Nữ	16/05/2003	8	8	26		5	
19	110195	Vương Phúc Mai Hạnh	11 NHẬT	Nữ	05/12/2003	8	8	26		5	
20	110220	Ngô Việt Hoàng	11 NHẬT	Nam	13/08/2003	9	9	26		5	
21	110244	Trần Ngọc Huyền	11 NHẬT	Nữ	03/02/2003	10	10	26		6	
22	110257	Nguyễn Phạm Phương Khanh	11 NHẬT	Nữ	27/03/2003	11	11	26		6	
23	110264	Trần Nam Khánh	11 NHẬT	Nam	12/01/2003	11	11	26		6	
24	110289	Đoàn Khánh Linh	11 NHẬT	Nữ	10/03/2003	12	12	26		7	
25	110292	Hoàng Gia Linh	11 NHẬT	Nữ	28/05/2003	12	12	27		7	
26	110298	Lê Trúc Linh	11 NHẬT	Nữ	29/12/2003	12	12	27		7	
27	110315	Phạm Lê Phương Linh	11 NHẬT	Nữ	29/07/2003	13	13	27		8	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
28	110322	Nguyễn Mai Loan	11 NHẬT	Nữ	11/09/2003	13	13	27		8	
29	110360	Nguyễn Lê Minh	11 NHẬT	Nam	31/08/2003	15	15	27		8	
30	110389	Vũ Thúy My	11 NHẬT	Nữ	14/09/2003	16	16	27		9	
31	110391	Đỗ Hải Nam	11 NHẬT	Nam	23/02/2003	16	16	27		9	
32	110414	Nguyễn Minh Ngọc	11 NHẬT	Nữ	22/12/2003	17	17	27		10	
33	110432	Lê Uyển Nhi	11 NHẬT	Nữ	19/05/2003	17	18	27		10	
34	110440	Trần Tuyết Nhi	11 NHẬT	Nữ	13/10/2003	18	18	27		10	
35	110461	Hà Nguyên Mai Phương	11 NHẬT	Nữ	08/11/2003	19	19	27		10	
36	110468	Nguyễn Hiền Phương	11 NHẬT	Nữ	23/06/2003	19	19	27		11	
37	110476	Trần Việt Phương	11 NHẬT	Nam	01/02/2003	19	19	27		11	
38	110539	Đặng Việt Tiến	11 NHẬT	Nam	02/04/2003	22	22	27		12	
39	110544	Bùi Vũ Minh Trang	11 NHẬT	Nữ	10/06/2003	22	22	27		12	
40	110548	Lê Minh Trang	11 NHẬT	Nữ	31/01/2003	22	22	27		13	
41	110549	Lê Thu Trang	11 NHẬT	Nữ	21/07/2003	22	22	27		13	
42	110550	Lưu Huyền Trang	11 NHẬT	Nữ	23/01/2003	22	22	27		13	
43	110594	Trần Quang Việt	11 NHẬT	Nam	28/04/2003	24	24	27		13	
1	110010	Trần Minh An	11 PHÁP1	Nam	05/06/2003	1	1	23		1	
2	110028	Đường Xuân Anh	11 PHÁP1	Nữ	16/08/2003	2	2	23		1	
3	110040	Ngô Phương Anh	11 PHÁP1	Nữ	05/01/2003	2	2	23		1	
4	110041	Ngô Phương Anh	11 PHÁP1	Nữ	03/07/2003	2	2	23		1	
5	110048	Nguyễn Hồng Anh	11 PHÁP1	Nữ	06/06/2003	2	2	23		2	
6	110095	Võ Lê Quỳnh Anh	11 PHÁP1	Nữ	21/11/2003	4	4	23		3	
7	110117	Nguyễn Hà Minh Châu	11 PHÁP1	Nữ	27/11/2003	5	5	23		3	
8	110133	Nguyễn Công Cơ	11 PHÁP1	Nam	18/10/2003	6	6	23		4	
9	110146	Lê Thùy Dương	11 PHÁP1	Nữ	02/09/2003	6	6	23		4	
10	110154	Vũ Quốc Đạt	11 PHÁP1	Nam	14/11/2003	7	7	23		4	
11	110158	Lê Mạnh Đức	11 PHÁP1	Nam	28/11/2003	7	7	23		4	
12	110194	Nguyễn Thảo Hạnh	11 PHÁP1	Nữ	28/03/2003	8	8	23		5	
13	110236	Nguyễn Quang Huy	11 PHÁP1	Nam	13/08/2003	10	10	24		6	
14	110280	Nguyễn Hoàng Phúc Lâm	11 PHÁP1	Nam	21/10/2003	12	12	24		7	
15	110324	Nguyễn Công Long	11 PHÁP1	Nam	30/09/2003	13	13	24		8	
16	110344	Đỗ Quang Minh	11 PHÁP1	Nam	04/04/2003	14	14	24		8	
17	110354	Ngô Ngọc Minh	11 PHÁP1	Nam	07/04/2003	14	14	24		8	
18	110357	Nguyễn Đắc Minh	11 PHÁP1	Nam	21/03/2003	14	15	24		8	
19	110364	Nguyễn Phúc Minh	11 PHÁP1	Nam	26/10/2003	15	15	24		9	
20	110378	Trương Thùy Minh	11 PHÁP1	Nữ	09/05/2003	15	15	24		9	
21	110404	Bùi Tuấn Nghĩa	11 PHÁP1	Nam	12/06/2003	16	16	24		9	
22	110422	Đặng Châu Nguyên	11 PHÁP1	Nữ	04/07/2003	17	17	24		10	
23	110424	Nghiêm Đình Gia Nguyên	11 PHÁP1	Nam	30/10/2003	17	17	24		10	
24	110438	Phạm Linh Nhi	11 PHÁP1	Nữ	07/01/2003	18	18	24		10	
25	110478	Đặng Minh Quang	11 PHÁP1	Nam	10/11/2003	19	19	25		11	
26	110484	Lê Anh Quân	11 PHÁP1	Nam	26/04/2003	20	20	25		11	
27	110486	Vũ Minh Quân	11 PHÁP1	Nam	15/02/2003	20	20	25		11	
28	110528	Trần Gia Phúc Thịnh	11 PHÁP1	Nam	22/03/2003	21	21	25		12	
29	110556	Nguyễn Ngô Hà Trang	11 PHÁP1	Nữ	23/12/2003	22	22	25		13	
30	110560	Vũ Quỳnh Trang	11 PHÁP1	Nữ	02/02/2003	23	23	25		13	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
31	110604	Lai Hà Vy	11 PHÁP1	Nữ	03/11/2003	24	24	25		14	
1	110005	Lê Thị Hòa An	11 PHÁP2	Nữ	09/06/2003	1	1	23		1	
2	110027	Đồng Quang Anh	11 PHÁP2	Nam	28/03/2003	2	2	23		1	
3	110029	Hoàng Đức Việt Anh	11 PHÁP2	Nam	10/05/2003	2	2	23		1	
4	110049	Nguyễn Hồng Anh	11 PHÁP2	Nữ	23/06/2003	2	2	23		2	
5	110078	Trần Bùi Duy Anh	11 PHÁP2	Nam	04/04/2003	4	4	23		2	
6	110089	Trịnh Hiền Anh	11 PHÁP2	Nữ	04/10/2003	4	4	23		2	
7	110149	Phạm Thị Thùy Dương	11 PHÁP2	Nữ	28/12/2003	6	6	23		4	
8	110201	Nguyễn Trúc Hân	11 PHÁP2	Nữ	09/12/2003	8	9	23		5	
9	110207	Tạ Lê Thục Hiền	11 PHÁP2	Nữ	01/06/2003	9	9	23		5	
10	110242	Nguyễn Thảo Huyền	11 PHÁP2	Nữ	02/06/2003	10	10	24		6	
11	110250	Nguyễn Quỳnh Hương	11 PHÁP2	Nữ	24/11/2003	10	11	24		6	
12	110281	Tống Phúc Lâm	11 PHÁP2	Nam	15/03/2003	12	12	24		7	
13	110311	Nguyễn Phương Linh	11 PHÁP2	Nữ	12/10/2003	13	13	24		7	
14	110368	Nguyễn Tuấn Minh	11 PHÁP2	Nam	12/02/2003	15	15	24		9	
15	110379	Vũ Tuấn Minh	11 PHÁP2	Nam	06/09/2003	15	15	24		9	
16	110405	Đinh Đức Nghĩa	11 PHÁP2	Nam	27/03/2003	16	17	24		9	
17	110576	Nguyễn Văn Tùng	11 PHÁP2	Nam	18/09/2003	23	23	25		13	
18	110586	Võ Phương Uyên	11 PHÁP2	Nữ	07/10/2003	24	24	25		13	
19	110600	Nguyễn Huy Đường Vũ	11 PHÁP2	Nam	09/09/2003	24	24	25		14	
1	110031	Hồ Bảo Anh	11 SINH	Nữ	09/01/2003	2	2	1	10		
2	110032	Lê Diệp Anh	11 SINH	Nữ	07/06/2003	2	2	1	10		
3	110039	Ngô Nhật Anh	11 SINH	Nữ	17/06/2003	2	2	2	10		
4	110046	Nguyễn Hải Anh	11 SINH	Nữ	13/05/2003	2	2	2	10		
5	110052	Nguyễn Minh Anh	11 SINH	Nữ	10/04/2003	3	3	2	10		
6	110079	Trần Diệp Anh	11 SINH	Nữ	28/01/2003	4	4	3	10		
7	110101	Vương Minh Anh	11 SINH	Nữ	07/12/2003	5	5	4	10		
8	110129	Trần Vũ Khánh Chi	11 SINH	Nữ	30/04/2003	6	6	4	10		
9	110144	Nguyễn Hoàng Duyên	11 SINH	Nữ	16/09/2003	6	6	5	10		
10	110145	Hoàng Thái Dương	11 SINH	Nam	09/11/2003	6	6	5	10		
11	110170	Nguyễn Hương Giang	11 SINH	Nữ	09/01/2003	7	7	6	10		
12	110183	Nguyễn Ngân Hà	11 SINH	Nữ	22/06/2003	8	8	6	10		
13	110225	Nguyễn Hữu Học	11 SINH	Nam	26/06/2003	9	10	8	10		
14	110239	Nguyễn Ngọc Huyền	11 SINH	Nữ	16/06/2003	10	10	8	10		
15	110271	Đặng Minh Khuê	11 SINH	Nữ	06/10/2003	11	11	9	10		
16	110326	Nguyễn Tuấn Long	11 SINH	Nam	17/08/2003	13	14	11	10		
17	110342	Chu Tuấn Minh	11 SINH	Nam	30/09/2003	14	14	11	10		
18	110348	Lê Hoàng Nhật Minh	11 SINH	Nam	05/08/2003	14	14	12	10		
19	110352	Lê Thành Minh	11 SINH	Nam	17/01/2003	14	14	12	10		
20	110383	Nguyễn Hà My	11 SINH	Nữ	03/08/2003	15	16	13	10		
21	110385	Nguyễn Thị Trà My	11 SINH	Nữ	17/10/2003	16	16	13	10		
22	110402	Phạm Hoàng Ngân	11 SINH	Nữ	08/12/2003	16	16	13	10		
23	110418	Thân Minh Ngọc	11 SINH	Nữ	23/10/2003	17	17	14	10		
24	110437	Nguyễn Yến Nhi	11 SINH	Nữ	21/09/2003	18	18	15	10		
25	110452	Phạm Thanh Phong	11 SINH	Nam	24/02/2003	18	18	15	11		
26	110455	Vũ Thanh Phong	11 SINH	Nam	24/03/2003	18	18	15	11		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
27	110480	Nguyễn Đăng Quang	11 SINH	Nam	29/11/2003	19	19	16	11		
28	110485	Ngô Trần Hoàng Quân	11 SINH	Nam	30/08/2003	20	20	16	11		
29	110504	Nguyễn Xuân Thanh	11 SINH	Nữ	25/01/2003	20	20	17	11		
30	110509	Nguyễn Trung Thành	11 SINH	Nam	11/06/2003	20	20	17	11		
31	110538	Đinh Thủy Tiên	11 SINH	Nữ	09/04/2003	22	22	18	11		
32	110558	Tăng Linh Trang	11 SINH	Nữ	20/10/2003	23	22	18	11		
33	110563	Lê Minh Trí	11 SINH	Nam	09/07/2003	23	23	19	11		
34	110592	Phạm Đức Việt	11 SINH	Nam	11/12/2003	24	24	20	11		
1	110110	Nguyễn Lê Thanh Bình	11 SONG NGỮ	Nữ	20/08/2003	5	5	23		3	
2	110115	Lê Nguyễn Minh Châu	11 SONG NGỮ	Nữ	10/12/2003	5	5	23		3	
3	110199	Trần Thanh Hằng	11 SONG NGỮ	Nữ	05/02/2003	8	9	23		5	
4	110253	Phạm Đình Khải	11 SONG NGỮ	Nam	27/10/2003	11	11	24		6	
5	110273	Dương Minh Kiên	11 SONG NGỮ	Nam	11/03/2003	11	12	24		6	
6	110308	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	11 SONG NGỮ	Nữ	30/08/2003	13	13	24		7	
7	110318	Trần Tùng Linh	11 SONG NGỮ	Nam	04/08/2003	13	13	24		8	
8	110443	Vương Phương Nhi	11 SONG NGỮ	Nữ	23/03/2003	18	18	24		10	
9	110450	Nguyễn Tấn Phong	11 SONG NGỮ	Nam	23/06/2003	18	18	25		10	
10	110465	Lê Nguyễn Thanh Phương	11 SONG NGỮ	Nữ	11/04/2003	19	19	25		11	
11	110515	Lương Thanh Thảo	11 SONG NGỮ	Nữ	24/03/2003	21	21	25		12	
12	110520	Phùng Thanh Thảo	11 SONG NGỮ	Nữ	31/10/2003	21	21	25		12	
13	110532	Đặng Minh Thư	11 SONG NGỮ	Nữ	04/02/2003	21	21	25		12	
14	110546	Hoàng Diệp Trang	11 SONG NGỮ	Nữ	28/02/2003	22	22	25		12	
15	110609	Nguyễn Hải Yến	11 SONG NGỮ	Nữ	16/09/2003	24	24	25		14	
1	110021	Đinh Khánh Phương Anh	11 SỬ	Nữ	11/06/2003	1	1	1		15	
2	110030	Hoàng Giang Triều Anh	11 SỬ	Nữ	25/02/2003	2	2	1		15	
3	110050	Nguyễn Huyền Anh	11 SỬ	Nữ	24/10/2003	3	3	2		15	
4	110069	Phùng Huyền Anh	11 SỬ	Nữ	26/09/2003	3	3	3		15	
5	110106	Ngô Gia Bách	11 SỬ	Nam	15/06/2003	5	5	4		15	
6	110124	Nguyễn Lan Chi	11 SỬ	Nữ	23/09/2003	5	5	4		15	
7	110151	Trần Hoàng Dương	11 SỬ	Nam	13/11/2003	6	7	5		15	
8	110155	Trương Hạ Minh Đồng	11 SỬ	Nam	13/07/2003	7	7	5		15	
9	110171	Nguyễn Hương Giang	11 SỬ	Nữ	04/08/2003	7	7	6		15	
10	110173	Phạm Ngọc Ngân Giang	11 SỬ	Nữ	12/11/2003	7	7	6		15	
11	110247	Lương Tuấn Hưng	11 SỬ	Nam	16/08/2003	10	10	8		15	
12	110261	Hoàng Nam Khánh	11 SỬ	Nam	24/06/2003	11	11	9		15	
13	110275	Nguyễn Trung Kiên	11 SỬ	Nam	19/09/2003	11	12	9		15	
14	110296	Lê Thùy Linh	11 SỬ	Nữ	25/04/2003	12	12	10		15	
15	110304	Nguyễn Khánh Linh	11 SỬ	Nữ	24/05/2003	13	13	10		15	
16	110305	Nguyễn Khánh Linh	11 SỬ	Nữ	05/11/2003	13	13	10		15	
17	110307	Nguyễn Khánh Linh	11 SỬ	Nữ	30/11/2003	13	13	10		15	
18	110327	Phạm Đức Long	11 SỬ	Nam	12/08/2003	13	14	11		15	
19	110339	Nguyễn Thanh Mẫn	11 SỬ	Nữ	13/05/2003	14	14	11		15	
20	110372	Phạm Quang Minh	11 SỬ	Nam	02/03/2003	15	15	12		15	
21	110387	Thái Trà My	11 SỬ	Nữ	31/05/2003	16	16	13		15	
22	110417	Nguyễn Vũ Hải Ngọc	11 SỬ	Nữ	14/10/2003	17	17	14		15	
23	110426	Ngô Phúc Nguyên	11 SỬ	Nam	11/10/2003	17	17	14		15	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
24	110448	Nguyễn Cao Gia Phát	11 SỬ	Nam	12/05/2003	18	18	15		15	
25	110491	Đặng Nguyễn Diễm Quỳnh	11 SỬ	Nữ	28/11/2003	20	20	16		16	
26	110514	Kiều Phương Thảo	11 SỬ	Nữ	24/09/2003	21	21	17		16	
27	110517	Nguyễn Hiền Thảo	11 SỬ	Nữ	08/12/2003	21	21	17		16	
28	110551	Nguyễn Đoàn Thùy Trang	11 SỬ	Nữ	16/06/2003	22	22	18		16	
29	110573	Tạ Minh Tuệ	11 SỬ	Nữ	08/10/2003	23	23	19		16	
30	110589	Bùi Hạnh Vân	11 SỬ	Nữ	04/08/2003	24	24	19		16	
31	110591	Trần Thanh Vân	11 SỬ	Nữ	07/01/2003	24	24	20		16	
32	110593	Phạm Quốc Việt	11 SỬ	Nam	10/03/2003	24	24	20		16	
33	110603	Hoàng Khánh Vy	11 SỬ	Nữ	24/10/2003	24	24	20		16	
1	110008	Nguyễn Thái Hà An	11 TIN	Nữ	24/02/2003	1	1	1	1		
2	110018	Dương Tâm Anh	11 TIN	Nữ	20/03/2003	1	1	1	1		
3	110083	Trần Huyền Anh	11 TIN	Nữ	07/03/2003	4	4	3	1		
4	110084	Trần Minh Anh	11 TIN	Nữ	19/02/2003	4	4	3	1		
5	110119	Vũ Bảo Châu	11 TIN	Nữ	12/04/2003	5	5	4	2		
6	110139	Nguyễn Việt Dũng	11 TIN	Nam	11/11/2003	6	6	5	2		
7	110140	Trần Vũ Dũng	11 TIN	Nam	10/05/2003	6	6	5	2		
8	110159	Lê Minh Đức	11 TIN	Nam	06/12/2003	7	7	5	2		
9	110178	Chử Minh Hà	11 TIN	Nữ	17/11/2003	8	8	6	2		
10	110211	Lưu Minh Hiếu	11 TIN	Nam	22/08/2003	9	9	7	2		
11	110214	Nguyễn Trọng Hiếu	11 TIN	Nam	22/04/2003	9	9	7	2		
12	110218	Đỗ Duy Hoàng	11 TIN	Nam	25/04/2003	9	9	7	2		
13	110235	Nguyễn Quang Huy	11 TIN	Nam	29/07/2003	10	10	8	3		
14	110237	Phùng Đình Gia Huy	11 TIN	Nam	07/08/2003	10	10	8	3		
15	110270	Bùi Trần Khuê	11 TIN	Nam	06/02/2003	11	11	9	3		
16	110277	Nguyễn Hương Lan	11 TIN	Nữ	01/09/2003	11	12	9	3		
17	110282	Bùi Phương Liên	11 TIN	Nữ	31/07/2003	12	12	9	3		
18	110295	Lê Khánh Linh	11 TIN	Nữ	23/11/2003	12	12	10	3		
19	110353	Ngô Hoàng Minh	11 TIN	Nam	07/12/2003	14	14	12	3		
20	110370	Phạm Lê Minh	11 TIN	Nam	29/03/2003	15	15	12	4		
21	110374	Tống Đức Minh	11 TIN	Nam	05/04/2003	15	15	13	4		
22	110376	Trần Hiếu Minh	11 TIN	Nam	31/08/2003	15	15	13	4		
23	110380	Vương Hoàng Minh	11 TIN	Nam	22/10/2003	15	16	13	4		
24	110384	Nguyễn Ngọc Trà My	11 TIN	Nữ	23/09/2003	16	16	13	4		
25	110447	Nguyễn Quang Pháp	11 TIN	Nam	18/04/2003	18	18	15	4		
26	110449	Nguyễn Hoàng Vĩnh Phong	11 TIN	Nam	03/03/2003	18	18	15	4		
27	110456	Nghiêm Bá Phú	11 TIN	Nam	26/12/2003	18	18	15	4		
28	110457	Đoàn Hữu Phúc	11 TIN	Nam	18/09/2003	18	18	15	4		
29	110469	Nguyễn Hoàng Phương	11 TIN	Nam	04/12/2003	19	19	16	4		
30	110565	Nguyễn Quốc Trung	11 TIN	Nam	07/10/2003	23	23	19	5		
31	110570	Đỗ Châu Tuấn	11 TIN	Nam	26/10/2003	23	23	19	5		
32	110571	Hà Minh Tuấn	11 TIN	Nam	19/11/2003	23	23	19	5		
33	110578	Phan Vũ Thanh Tùng	11 TIN	Nam	02/08/2003	23	23	19	5		
34	110580	Vũ Hoàng Tùng	11 TIN	Nam	22/09/2003	23	23	19	5		
35	110583	Phạm Minh Uyên	11 TIN	Nữ	26/02/2003	23	23	19	5		
1	110070	Phùng Nam Anh	11 TOÁN	Nam	11/02/2003	25	3	3	1		

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
2	110097	Vũ Đức Anh	11 TOÁN	Nam	07/10/2003	25	4	3	1		
3	110114	Đoàn Minh Châu	11 TOÁN	Nữ	24/09/2003	25	5	4	1		
4	110136	Phạm Ngọc Thùy Dung	11 TOÁN	Nữ	07/07/2003	25	6	5	2		
5	110141	Nguyễn Đăng Duy	11 TOÁN	Nam	17/11/2003	25	6	5	2		
6	110142	Nguyễn Khánh Duy	11 TOÁN	Nam	25/11/2003	25	6	5	2		
7	110185	Nguyễn Vũ Hà	11 TOÁN	Nữ	10/04/2003	25	8	6	2		
8	110197	Đoàn Mỹ Hằng	11 TOÁN	Nữ	18/01/2003	25	8	7	2		
9	110223	Phạm Việt Hoàng	11 TOÁN	Nam	10/02/2003	25	9	7	2		
10	110251	Nguyễn Thu Hương	11 TOÁN	Nữ	25/12/2003	25	11	8	3		
11	110259	Đào Vũ Minh Khánh	11 TOÁN	Nam	20/10/2003	25	11	9	3		
12	110279	Đỗ Phúc Lâm	11 TOÁN	Nam	13/11/2003	25	12	9	3		
13	110321	Vũ Vân Linh	11 TOÁN	Nữ	14/11/2003	25	13	11	3		
14	110325	Nguyễn Hoàng Long	11 TOÁN	Nam	23/12/2003	25	13	11	3		
15	110329	Phạm Khánh Ly	11 TOÁN	Nữ	01/12/2003	25	14	11	3		
16	110341	Cao Lê Quang Minh	11 TOÁN	Nam	11/10/2003	25	14	11	3		
17	110343	Đặng Trần Minh	11 TOÁN	Nam	15/02/2003	25	14	12	3		
18	110349	Lê Huy Minh	11 TOÁN	Nam	02/11/2003	25	14	12	3		
19	110350	Lê Nguyễn Bảo Minh	11 TOÁN	Nam	22/02/2003	25	14	12	3		
20	110351	Lê Như Lan Minh	11 TOÁN	Nữ	21/12/2003	25	14	12	3		
21	110355	Nguyễn Anh Minh	11 TOÁN	Nam	26/05/2003	25	15	12	3		
22	110407	Nguyễn Minh Nghĩa	11 TOÁN	Nam	27/03/2003	25	17	14	4		
23	110415	Nguyễn Minh Ngọc	11 TOÁN	Nữ	31/12/2003	25	17	14	4		
24	110420	Trương Gia Ngọc	11 TOÁN	Nam	25/04/2003	25	17	14	4		
25	110502	Nguyễn Hà Thanh	11 TOÁN	Nữ	14/03/2003	26	20	17	5		
26	110506	Đào Nguyễn Quang Thành	11 TOÁN	Nam	21/11/2003	26	20	17	5		
27	110507	Hoàng Kim Trí Thành	11 TOÁN	Nam	20/11/2003	26	20	17	5		
28	110569	Phạm Anh Tú	11 TOÁN	Nam	10/12/2003	26	23	19	5		
29	110577	Phạm Quang Tùng	11 TOÁN	Nam	06/06/2003	26	23	19	5		
30	110606	Phạm Quỳnh Vy	11 TOÁN	Nữ	17/04/2003	26	24	20	5		
1	110086	Trần Minh Anh	11 VĂN	Nữ	27/05/2003	4	25	3		2	
2	110098	Vũ Hà Phương Anh	11 VĂN	Nữ	05/11/2003	4	25	4		3	
3	110099	Vũ Mai Anh	11 VĂN	Nữ	03/06/2003	4	25	4		3	
4	110135	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11 VĂN	Nữ	08/07/2003	6	25	5		4	
5	110202	Nguyễn Minh Hiền	11 VĂN	Nữ	08/11/2003	8	25	7		5	
6	110284	Bùi Doãn Hà Linh	11 VĂN	Nữ	18/02/2003	12	25	10		7	
7	110288	Đặng Hà Linh	11 VĂN	Nữ	26/08/2003	12	25	10		7	
8	110297	Lê Trần Hương Linh	11 VĂN	Nữ	02/09/2003	12	25	10		7	
9	110309	Nguyễn Ngọc Yến Linh	11 VĂN	Nữ	29/09/2003	13	25	10		7	
10	110310	Nguyễn Ôn Ái Linh	11 VĂN	Nữ	15/02/2003	13	25	10		7	
11	110319	Vũ Gia Linh	11 VĂN	Nữ	24/08/2003	13	25	11		8	
12	110330	Đàm Xuân Mai	11 VĂN	Nữ	25/07/2003	14	25	11		8	
13	110333	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	11 VĂN	Nữ	26/08/2003	14	25	11		8	
14	110336	Phạm Ngọc Mai	11 VĂN	Nữ	29/07/2003	14	25	11		8	
15	110340	Bùi Tuệ Minh	11 VĂN	Nữ	25/11/2003	14	25	11		8	
16	110347	Lê Bội Nguyệt Minh	11 VĂN	Nữ	08/10/2003	14	25	12		8	
17	110369	Nhữ Nhật Minh	11 VĂN	Nam	14/12/2003	15	25	12		9	

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Giới tính	Ngày sinh	Phòng thi các môn					Ghi chú
						Toán	Văn	NN	KHTN	KHXH	
18	110396	Trần Quỳnh Nga	11 VĂN	Nữ	22/11/2003	16	25	13		9	
19	110413	Nguyễn Minh Ngọc	11 VĂN	Nữ	21/02/2003	17	25	14		10	
20	110421	Vũ Diễm Ngọc	11 VĂN	Nữ	11/03/2003	17	25	14		10	
21	110436	Nguyễn Viên Nhi	11 VĂN	Nữ	27/10/2003	18	25	15		10	
22	110441	Trịnh Thúy Nhi	11 VĂN	Nữ	18/01/2003	18	25	15		10	
23	110442	Văn Đỗ Ngọc Nhi	11 VĂN	Nữ	06/07/2003	18	25	15		10	
24	110446	Lê Nguyễn Trang Nhung	11 VĂN	Nữ	14/12/2003	18	25	15		10	
25	110467	Nguyễn Hà Phương	11 VĂN	Nữ	30/07/2003	19	26	16		11	
26	110490	Vũ Hạnh Quyên	11 VĂN	Nữ	11/08/2003	20	26	16		11	
27	110492	Nguyễn Hương Quỳnh	11 VĂN	Nữ	01/08/2003	20	26	16		11	
28	110519	Nguyễn Phương Thảo	11 VĂN	Nữ	04/11/2003	21	26	17		12	
29	110535	Nguyễn Phương Thư	11 VĂN	Nữ	12/10/2003	22	26	18		12	
30	110581	Hoàng Thu Uyên	11 VĂN	Nữ	24/07/2003	23	26	19		13	
31	110582	Mai Vũ Phương Uyên	11 VĂN	Nữ	07/01/2003	23	26	19		13	
32	110602	Hoàng Diệu Vy	11 VĂN	Nữ	12/03/2003	24	26	20		14	
33	110608	Đỗ Thanh Xuân	11 VĂN	Nữ	27/02/2003	24	26	20		14	